

Số 01/TB AK

Phú Thọ, ngày 06 tháng 04 năm 2026

(V/v: Công bố năng lực đủ điều kiện  
hoạt động thí nghiệm chuyên ngành  
xây dựng)

## CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ.
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

### 1. Thông tin chung về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

1.1 Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ THIẾT BỊ ANH KHOA.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2600894698. Đăng ký lần đầu: Ngày 29 tháng 11 năm 2013. Đăng ký thay đổi lần thứ 3: ngày 27 tháng 11 năm 2025.

- Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hợp Hải, xã Phùng Nguyên, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

- Người đại diện pháp luật: NGUYỄN ĐỨC ANH

- Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

- Điện thoại:

Email: lasxd43006@gmail.com

- Mã số thuế: 2600894698

Website: anhkhoalabs.com

1.2 Tên phòng thí nghiệm: PHÒNG THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH.

- Mã số phòng thí nghiệm: LAS – XD 43.006

- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Cụm công nghiệp Hợp Hải - Kinh Kệ, xã Phùng Nguyên, tỉnh Phú Thọ.

### 2. Thông tin về người quản lý trực tiếp hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Họ và tên: Hoàng Kim Khánh.

- Tốt nghiệp đại học chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật giao thông

- Nơi đào tạo: Trường đại học công nghệ giao thông vận tải

- Năm tốt nghiệp: 2017

### 3. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm/văn bằng, chứng chỉ đào tạo lĩnh vực thí nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	<b>Thử nghiệm cơ lý của xi măng</b>			
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 4030; ASTM C184; AASHTO T128, T133	Sàng (kích thước mắt 0,09;0.08;0.045mm, cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy,Cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), tủ sấy, Bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hỏa, Thiết bị thấm khí Blaine	- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận
2	Xác định giới hạn uốn và nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109 ; AASHTO T106	Sàng , máy trộn, khuôn (4x4x16cm),50x50x50m m máy dằn (điển hình), máy thử độ bền uốn (10kN±1%), máy nén (tăng tải 2400±200N/s), tủ dưỡng nhiệt ẩm, ...	- Hoàng Đậu Nhật Hòa/ Chứng nhận - Trần Anh Tú/Chứng nhận - Phạm Quyết Lập/Chứng nhận - Hà Tiến Lương/ Chứng nhận
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015, TCVN 8875:2012; AASHTO T131 AASHTO T129 ASTM C187	Dụng cụ Vica, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật, ống đồng, dao thép, đồng hồ bấm giây, máy trộn,	
	<b>Cốt liệu cho bê tông và vữa</b>			
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006 ; ASTM136/C136M -19; AASHTO T27	Cân kỹ thuật có độ chính xác d = 0.1g, cân kỹ thuật 30kg/5g, bộ sàng tiêu chuẩn bộ sàng, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 °C, Máy lắc sàng	
5	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006 ; ASTM C128 - 22; ASTM C127 - 22; ASHTO T84 - 22 , AASHTO T85 - 22;	Bình khối lượng riêng, Cân kỹ thuật có độ chính xác d = 0.1g, bình hút ẩm, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 °C, bếp cách cát hoặc cách thủy, chày cối mã nã, thùng ngâm mẫu, giấy thấm nước, sàng kích thước 5mm và 0.14mm	- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận - Hoàng Đậu Nhật Hòa/ Chứng nhận - Trần Anh Tú/Chứng nhận - Phạm Quyết Lập/Chứng nhận - Hà Tiến Lương/ Chứng nhận
6	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006 ASTM C127 AASHTO T85	Cân kỹ thuật có độ chính xác d = 0.1g, giỏ cân trong nước, thùng chứa nước để cân trong nước, thùng ngâm mẫu, khăn thấm nước, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm,	

			tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 °C.	
7	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hỏng	TCVN 7572-6:2006 ; ASTM C29	Thùng đong, cân kỹ thuật 30kg/5g , phễu chứa mẫu, bộ sàng tiêu chuẩn, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 °C, thước lá kim loại.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận</li> <li>- Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận</li> <li>- Trần Anh Tú/Chứng nhận</li> <li>- Phạm Quyết Lập/Chứng nhận</li> <li>- Hà Tiến Lương/ Chứng nhận</li> </ul>
8	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006 ; ASTM C70 ; ASHTO T142	Cân kỹ thuật có độ chính xác d = 0.1g, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1oC, hộp đựng mẫu.	
9	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét, hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142 AASHTO T112	Cân kỹ thuật có độ chính xác d = 0.1g, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1oC, thùng rửa mẫu, đồng hồ bấm giây.	
10	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40	Bản màu chuẩn so sánh , ống dung tích loại 500ml, 1000ml, Cân kỹ thuật 3000g/0.01g, sàng 5mm; 20mm, thuốc thử dung dịch NaOH 3%.	
11	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D2938	Máy thử nén model: TSY-2000kN/0.1kN, Thước cặp điện tử 200mm/0.01mm, thùng ngâm mẫu,	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận</li> <li>- Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận</li> <li>- Trần Anh Tú/Chứng nhận</li> <li>- Phạm Quyết Lập/Chứng nhận</li> <li>- Hà Tiến Lương/ Chứng nhận</li> </ul>
12	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006 BS812-112	Máy thử nén model: TSY -2000kN/0.1kN, xi lanh bằng thép đk 75mm, 150mm, cân kỹ thuật có độ chính xác (0.1g), sàng tiêu chuẩn 5mm;2.5mm;1,25mm, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1°C, thùng ngâm mẫu.	
13	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; ASTM C535-16; AASHTO T96-22 ASTM C131	Cân kỹ thuật 30kg/1g, sàng 37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 6.3; 4.75; 2.36; 1.7mm, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1°C, máy quay mài mòn Los Angeles.	
14	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791-23	Cân kỹ thuật 30kg/1g , bộ sàng tiêu chuẩn, thước kẹp cải tiến, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1°C	
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006 AASHTO T122	Cân kỹ phân tích có độ chính xác d= 0.0001g, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1°C, bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63;	

			0.315, 0.14mm, giấy nhám, đĩa thủy tinh.	
16	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006 ASTM C123	Cân kỹ phân tích có độ chính xác $d=0.0001g$ , tủ sấy đến $300^{\circ}C/1^{\circ}C$ , bộ sàng 5; 2.5; 1.25; 0.63; 0.315, 0.14mm, giấy nhám, đĩa thủy tinh.	
	<b>Thử nghiệm cơ lý hỗn hợp bê tông và bê tông nặng</b>			
17	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143/C143M-20; AASHTO T119-23;	Côn thử độ sụt + tấm đế, que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, phễu đổ hỗn hợp, thước lá kim loại dài 300mm, đồng hồ bấm giây.	
18	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108:1993 ; AASHTO T121 - 23	Thùng kim loại 5l, 10l (cao 186 và 267mm), que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, cân đĩa 30kg ( $d=1g$ ), dao thép gạt mẫu, búa cao su	
19	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022	Khuôn thép, kích thước 200mmx200mmx200mm, cân kỹ thuật, sàng có Kt 5mm thước đo dài 300mm, Tủ sấy	- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận
20	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022;	Bình khối lượng riêng cổ cao hoặc bình tam giác, cân kỹ thuật có độ chính xác ( $0,1g$ ), búa con, cối chày đồng, bình hút ẩm, tủ sấy $300^{\circ}C (\pm 1^{\circ}C)$ , sàng 5mm ;1.25,0.125mm , nước cất, bình hút ẩm.	- Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận - Trần Anh Tú/Chứng nhận - Phạm Quyết Lập/Chứng nhận - Hà Tiến Lương/ Chứng nhận
21	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022; ASTM C642-21; AASHTO T129	Cân kỹ thuật có độ chính xác ( $0.1g$ ), tủ sấy $300^{\circ}C (\pm 1^{\circ}C)$ , khăn lau, bàn chải, đá mài.	
22	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3115-2022 ; AASHTO C642	Thùng kim loại 5l, 10l (cao 186 và 267mm), que chọc bằng thép ĐK D=16mm đầu múp tròn, cân đĩa 30kg ( $d=1g$ ), dao thép gạt mẫu, búa cao su	
23	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022 ASTM C403	Máy thử độ chống thấm HS -40 đồng hồ áp ( $0-4MPa$ ), bàn chải sắt,	

			paraphin, bếp ga, giá ép mẫu, bếp ga.	
24	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; ASTM C39 AASHTO T22-10	Máy nén TSY -2000kN (d=0,1kN), thước lá kim loại, đệm truyền tải	
25	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022; ASTM C78,C239 AASHTO T97	Máy nén TSY -2000kN (d=0,1kN), thước lá kim loại, đệm truyền tải, gối uốn 4 điểm tựa	- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận - Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận - Trần Anh Tú/Chứng nhận
26	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:2022; ASTM C496	Máy nén TSY -2000kN (d=0,1kN), bộ giá ép chế	- Phạm Quyết Lập/Chứng nhận - Hà Tiến Lương/ Chứng nhận
	<b>Vữa xi măng</b>			
27	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022 TCVN 9028:2011 EN:1015-1:99	Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy	
28	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022 EN:1015-6:99	Cân kỹ thuật, bình đong 1L kim loại không gỉ .	- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận
29	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022 ASTM C1437 EN:1015-3,4:99	Thước kẹp, bay, chảo trộn vữa, bàn dẫn, chày đầm...	- Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận
30	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022	Khay, đồng hồ bấm giây, tủ sấy, khuôn kim loại	- Trần Anh Tú/Chứng nhận - Phạm Quyết Lập/Chứng nhận
31	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022 TCVN 9028:2011	Máy hút chân không, đồng hồ áp lực chân không, đồng hồ bấm giây	- Hà Tiến Lương/ Chứng nhận
32	Xác định khối lượng thể tích của vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022 EN:1015-10:99	Tủ sấy, cân thủy tĩnh, thước kẹp	
33	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022 ASTM C109-11b EN:1015:99	Máy nén thử uốn, Máy nén thử nén, khuôn, chày đầm mẫu, tủ dưỡng mẫu	
	<b>Thử nghiệm cơ lý gạch xây đất sét nung</b>			
34	Xác định kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch xây	TCVN 6355-1:2009 AASHTO T32 ASTM C67	Thước thép, thước kẹp.	- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận
35	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009 AASHTO T32 ASTM C67	Máy nén TSY-2000 kN (d=0,1kN), thước kim loại, các miếng kính, bay, chảo, máy cắt.	- Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận - Trần Anh Tú/Chứng nhận - Phạm Quyết Lập/Chứng nhận
36	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009 AASHTO T32 ASTM C67	Máy thử nén + bộ gối uốn , thước kim loại, các miếng kính, bay, chảo.	- Hà Tiến Lương/ Chứng nhận

37	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009 AASHTO T32 ASTM C67	Tủ sấy 300 <sup>0</sup> C/1 °C, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu.	
38	Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:2009 AASHTO T32 ASTM C67	Tủ sấy 300 <sup>0</sup> C/1 °C, cân kỹ thuật, thước lá kim loại.	
39	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009 AASHTO T32 ASTM C67	Búa con, sàng 0,2mm, tủ sấy 300 <sup>0</sup> C/1 °C, bình hút ẩm, cân, bình cổ cao, dầu hỏa...	
40	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009 AASHTO T32 ASTM C67	Thùng giữ ẩm, Thước đo có độ chính xác tới 1 mm	
<b>Gạch bê tông</b>				
41	Xác định kiểm tra kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016 ASTM C140-12a	Thước thép dài 500mm, 1000mm (1mm), thước kẹp điện tử dài 200mm (0.01mm)	
42	Xác định cường độ chịu nén của gạch bê tông	TCVN 6477:2016 ASTM C140-12a	Máy nén TSY-2000 kN (d=0,1kN), bộ gá nén mẫu 200x400mm, Thước lá thép, tấm kính, bay, chảo	- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận - Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận - Trần Anh Tú/Chứng nhận
43	Xác định độ rỗng của gạch bê tông	TCVN 6477:2016 ASTM C140-12a	Cân kỹ thuật 30kg (1g), Thước lá kim loại dài 500mm, tấm kính, cát tiêu chuẩn khô, cọ quét, mui xúc cát	- Phạm Quyết Lập/Chứng nhận - Hà Tiến Lương/ Chứng nhận
44	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016 ASTM C140-12a	Thiết bị thử thấm, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> c (±1 °C), cân kỹ thuật 30kg (1g)	
<b>Gạch Terrazzo</b>				
45	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013 EN: 13748	Thước thép dài 500mm, 1000mm (1mm), thước kẹp điện tử dài 200mm (0.01mm), thước đo góc, Tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> c (±1 °C), cân kỹ thuật có độ chính xác (1g), bể nước ngâm mẫu	- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận - Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận - Trần Anh Tú/Chứng nhận
46	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744:2013 EN: 13748	Tủ sấy, cân, khăn ẩm, thùng chứa nước, sấp, bàn chải...	- Phạm Quyết Lập/Chứng nhận - Hà Tiến Lương/ Chứng nhận
47	Xác định độ mài mòn	TCVN 7744:2013 TCVN 6065:1995	Cân kỹ thuật có độ chính xác ( 0.01g) , thiết bị mài mòn gạch, bột mài, tủ sấy	

		EN: 13748	đến 300 <sup>0</sup> c(±1 °C), thước kẹp điện tử dài 200mm	
48	Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013	Máy kéo nén 100kN( d=0.2 kN), tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> c (±1 °C), giá uốn gồm hai thanh đỡ hình trụ 2 đầu, thanh hình trụ ở giữa, thước thép dài 500mm,1000mm(1mm), thước kẹp điện tử dài 200mm (0.01mm).	
<b>Gạch bê tông tự chèn</b>				
49	Kiểm tra kích thước, hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476-1999 ASTM C140-12a	Thước thép dài 500mm, 1000mm (1mm), thước kẹp dài 200mm (0.1mm)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận</li> <li>- Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận</li> <li>- Trần Anh Tú/Chứng nhận</li> <li>- Phạm Quyết Lập/Chứng nhận</li> <li>- Hà Tiên Lương/ Chứng nhận</li> </ul>
50	Xác định cường độ nén	TCVN 6476-1999 ASTM C140-12a	Máy thử nén model: TYA-300kN (d=0.01kN), thước cặp điện tử 200mm/0.01mm	
51	Xác định độ hút nước	TCVN 6476-1999 ASTM C140-12a	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1°C, thùng ngâm mẫu.	
52	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476-1999 ASTM C140-12a	Máy xác định độ mài mòn, thước	
<b>Gạch xi măng lát nền</b>				
53	Kiểm tra kích thước, hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065-1995	Thước thép dài 500mm, 1000mm (1mm), thước kẹp dài 200mm (0.1mm)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận</li> <li>- Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận</li> <li>- Trần Anh Tú/Chứng nhận</li> <li>- Phạm Quyết Lập/Chứng nhận</li> <li>- Hà Tiên Lương/ Chứng nhận</li> </ul>
54	Xác định lực uốn gãy	TCVN 6065-1995	Máy thử nén model: TYA-300kN (d=0.01kN), thước cặp điện tử 200mm/0.01mm	
55	Xác định độ hút nước	TCVN 6065-1995	Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1°C, thùng ngâm mẫu.	
56	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065-1995	Máy xác định độ mài mòn, thước	
<b>Bột khoáng trong bê tông nhựa</b>				
57	Xác định thành phần hạt của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020 AASHTO 11 ASTM C136	Bộ sàng tiêu chuẩn (0.6; 0.3; 0.15; 0.075mm), cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), bát sứ, chày bịt cao su, cọ quét, bình hút ẩm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận</li> <li>- Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận</li> <li>- Trần Anh Tú/Chứng nhận</li> <li>- Phạm Quyết Lập/Chứng nhận</li> </ul>
58	Khối lượng riêng của bột khoáng chất	TCVN 8735:2012 AASHTO T134	Bình khối lượng riêng 100ml, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), máy	

			hút chân không, bình để rửa, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> c (±1 °C) , nhiệt kế điện tử 300 <sup>0</sup> c, sàng (1,25 và 0,14mm), bát sứ, bình hút ẩm, dầu hoả, khăn giấy lâu, bếp cách cát.	
59	Hàm lượng nước của bột khoáng	TCVN 12884-2:2020	cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), chén sứ chịu nhiệt, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> c (±1 °C), khay sấy bằng nhôm, bình hút ẩm	
60	Xác định giới hạn chảy và giới hạn dẻo (chỉ số dẻo của bột khoáng)	TCVN 4197:2012	Dụng cụ Casagrande , tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> c, dao để trộn	- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận - Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận - Trần Anh Tú/Chứng nhận - Phạm Quyết Lập/Chứng nhận
61	Hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020	cân kỹ thuật có độ chính xác (0,01g), chén sứ chịu nhiệt, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> c (±1 °C), khay sấy bằng nhôm, bình hút ẩm	nhận - Hà Tiên Lương/ Chứng nhận
	<b>Nhựa bitum</b>			
62	Xác định độ kim lún ở 25°C	TCVN 7495:2005; ASTM D5-97 AASHTO T49	Máy đo độ kim lún, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyển tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế...	
63	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005; ASTM D113-23; AASHTO T51-22	Máy kéo dài, khuôn bằng đồng, nhiệt kế , bể ổn nhiệt, đèn cồn hay bếp dầu hỏa, dao cắt nhựa...	
64	Xác định điểm hóa mềm (dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D36 AASHTO T53-22	Khuôn tròn, bi tròn, vòng, tấm lót, vòng dẫn hướng, bình thủy tinh, khung treo, nhiệt kế, nước cất, Glyxerin, Etylen glycol chất bôi trơn...	- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận - Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận - Trần Anh Tú/Chứng nhận - Phạm Quyết Lập/Chứng nhận
65	Xác định điểm chớp cháy (cốc mở Cleveland)	TCVN 7498:2005; ASTM D92-18; AASHTO T48-22	Thiết bị cốc hở Cleveland (thủ công), thiết bị cốc hở Cleveland (tự động), dụng cụ đo nhiệt độ, ngọn lửa thử...	nhận - Hà Tiên Lương/ Chứng nhận
66	Xác định lượng tồn thất sau khi đun nóng ở 163 <sup>0</sup> c trong 5h	TCVN 7499:2005; ASTM D6 AASHTO T47	Cân kỹ thuật, bát sứ, lò nung, bình hút ẩm, tủ sấy, kết cấu, giá quay, nhiệt kế, cốc mẫu...	
	Xác định lượng hòa tan	TCVN 7500:2023;	Dụng cụ lọc (cốc Gooch,	

67	trong Trichloroethylene	AASHTO T44-23; ASTM D2042-22	lưới sợi thủy tinh, bình lọc, ống lọc, ống cao su hoặc bộ gá, bình Erlenmeyer, tủ sấy, bình hút ẩm, cân phân tích...	
68	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005; ASTM D70/D70M-21	Bình tỷ trọng kế, cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, chậu, nước cất, nước đá...	
69	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D3625 AASHTO T182	Dây buộc, bình thủy tinh, nước cất, bếp đun, nhiệt kế, viên đá 20x40mm...	
<b>Bê tông nhựa</b>				
70	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927-22; AASHTO T245-22;	Máy nén Marshall gia tải 50.5mm/min gồm: khung gia tải, thiết bị đo lực và đồng hồ đo biến dạng. Khuôn đúc mẫu, búa đầm, bệ đầm, bể ổn nhiệt duy trì 60°C, cân kỹ thuật, thước kẹp, nhiệt kế.	
71	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T164-22; ASTM D2172/D2172M-24	Máy quay ly tâm, giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, khay đựng mẫu, cân kỹ thuật, ống đong, cốc nung, bình hút ẩm và các dụng cụ phụ trợ...	
72	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011 ; AASHTO T27-23; ASTM C136/C136M-19	Bộ sàng vuông (37.5; 25; 19; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3;0.15; 0.075) tủ sấy, cân kỹ thuật, máy lắc sàng	- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận - Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận
73	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; ASTM D2041/D2041M -19; AASHTO T209-23	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, Áp kế, chân không kế, nhiệt kế, tủ sấy, khay sấy mẫu, giẻ lau.	- Trần Anh Tú/Chứng nhận - Phạm Quyết Lập/Chứng nhận - Hà Tiến Lương/ Chứng nhận
74	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726/D2726M-21; AASHTO T166-24, T275	Cân kỹ thuật chính xác 1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế...	
75	Xác định độ chảy của nhựa	TCVN 8860-6:2011; AASHTO 245	Cân kỹ thuật, tủ sấy, dây treo, giỏ đựng mẫu cân trong nước, nhiệt kế...	
76		TCVN 8860-	Cân kỹ thuật, tủ sấy,	

	Xác định độ góc cạnh của cát	7:2011; AASHTO 245	khay, giá đỡ, ống đồng..	
77	Xác định hệ số độ chặt lu lèn của bê tông nhựa	TCVN 8860-8:2011 AASHTO T178-96 AASHTO T166	Máy khoan bê tông nhựa, cân, giẻ lau, nước đá, nước sôi máy đầm mẫu...	
78	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011; AASHTO T269-14(2022); ASTM T245	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, tủ sấy, khay sấy mẫu, dây treo, giỏ đựng mẫu cân trong nước, nhiệt kế...	
79	Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa	TCVN 8860-10:2011 ;AASHTO T245, ASTM D3230	Cân kỹ thuật chính xác 1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu cân trong nước, tủ sấy, nhiệt kế, giẻ lau...	- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận - Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận
80	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011 ;AASHTO T245, ASTM D3230	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật, tủ sấy, khay sấy mẫu, dây treo, giỏ đựng mẫu cân trong nước, nhiệt kế...	- Trần Anh Tú/Chứng nhận - Phạm Quyết Lập/Chứng nhận - Hà Tiến Lương/ Chứng nhận
81	Xác định độ ổn định còn lại	TCVN 8860-12:2011; AASHTO T245 -22 ASTM D1599	Máy nén Marsall, đồng hồ đo độ biến dạng, bể ở nhiệt, nhiệt kế...	
	<b>Thép xây dựng</b>			
82	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; ASTM A370 -24 ; AASHTO T68, T244	Máy thử độ bền kéo nén model: WE-1000B/0.1kN, Cân kỹ thuật có độ chính xác (1g), thước thép 1000mm.	
83	Thử uốn	TCVN 198:2008; ASTM A370 -24 ; AASHTO T68, T244	Máy thử độ bền kéo nén model: WE-1000B/0.1kN; bộ góì uốn	- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận - Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận
84	Thử uốn thép gai	TCVN 6287	Máy thử độ bền kéo nén model: WE-1000B/0.1kN; bộ góì uốn	- Trần Anh Tú/Chứng nhận - Phạm Quyết Lập/Chứng nhận
85	Kiểm tra chất lượng mối hàn kim loại -Thử kéo	TCVN 5401:2010; EN 10255:04	Máy thử độ bền kéo nén : 1000kN/0.1kN, thước cặp 200mm/0.1mm, thước thép	- Hà Tiến Lương/ Chứng nhận
86	Thử kéo mối hàn kim loại - thử uốn	TCVN 5403:2010, AASHTO T68, T244	Máy thử độ bền kéo nén : 1000kN/0.1kN, thước cặp 200mm/0.1mm, thước thép	

87	Thử cấp độ bền kéo, bu lông, ốc vít	TCVN 1916-95	Máy thử độ bền kéo nén model: WE-1000B/0.5kN, bộ chuông kéo bu lông, thước cặp 200mm/0.1mm	
<b>Thử nghiệm cơ lý đất xây dựng</b>				
88	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D854-23; AASHTO T100-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bình tỷ trọng, cối chày sứ (đồng), rây 2mm, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 <sup>0</sup> C, tỷ trọng kế, bếp cách cát.	
89	Xác định độ ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216-19; AASHTO T265	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), Bình hút ẩm, hộp ẩm, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 <sup>0</sup> C, cối chày sứ (đồng), rây 1mm, tủ sấy, cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp)	
90	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89-22, AASHTO T90-22	Dụng cụ Casagrande, Tấm kính nhám, rây (1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, bình thủy tinh có nắp, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 <sup>0</sup> C	
91	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T88-22	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 0,25, 0,1mm), cối và chày sứ có đầu bọc cao su, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 <sup>0</sup> C, bình hút ẩm, tỷ trọng kế, ống đong 1000ml, nhiệt kế, que khuấy, đồng hồ bấm giây.	Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận Trần Anh Tú/Chứng nhận Phạm Quyết Lập/Chứng nhận
92	Thí nghiệm đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:2012 TCVN 12790-2022 AASHTO T180 22TCN333-2006	Bộ Cối chày đầm tiêu chuẩn, cải tiến cân kỹ thuật 30kg/5g, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), sàng (19;4,75; 5mm), bình phun nước, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> C/1 <sup>0</sup> C), hộp nhôm	Hà Tiến Lương/ Chứng nhận
93	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; AASHTO T100.T191	Dao vòng bằng kim loại, thước cặp, dao cắt có lưỡi thẳng, Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), các tấm kính, dụng cụ xác định độ ẩm, hộp nhôm có nắp, tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> c (±1 <sup>0</sup> C), bình hút ẩm.	

94	Xác định chỉ số CBR trong phòng	TCVN 12792:2020; TCVN 8821:2011 ASTM D2216-19 AASHTO T193-22	Máy nén CBR 1.27mm/ph, đồng hồ đo biến dạng, chày đầm, cối D152.4mm, tấm đệm ga tải, thùng ngâm mẫu, tủ sấy, cân, sàng 50;19;4.75mm, giấy lọc, chảo, bay trộn, dụng cụ làm bằng mặt mẫu.	
95	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; ASTM D2434-22	Dụng cụ đo thấm, bể chứa nước, đồng hồ bấm giây Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), tủ sấy đến 300 <sup>0</sup> c (±1 oC)	
96	Đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8725-2012	Máy cắt đất, dụng cụ thí nghiệm	
97	Đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719-2012 ASTM D4829 ASTM D4546	Bàn và giá đỡ đồng hồ đo biến dạng nở Pitstong đồng hồ đo biến dạng, có đục lỗ châm kim thoát khí, Đồng hồ đo biến dạng, số đọc chính xác đến 0,01 mm	- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận - Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận - Trần Anh Tú/Chứng nhận - Phạm Quyết Lập/Chứng nhận
98	Xác định chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199-1995	Máy cắt phẳng, đồng hồ biến dạng	- Hà Tiến Lương/ Chứng nhận
99	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200-2012	Máy nén, Thiết bị đo biến dạng	
<b>XIII</b>	<b>Thí nghiệm hiện trường</b>			
100	Xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012	Cân kỹ thuật có độ chính xác (0.01g), cốc nhỏ (hộp nhôm có nắp)	
101	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020	Dao dai tròn bằng thép, cân kỹ thuật có độ chính xác (0,1g), dao gạt đất, hộp nhôm, bếp ga hoặc dùng cồn	- Nguyễn Văn Lương/Chứng nhận
102	Xác khối lượng thể tích, độ ẩm của đất tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	22TCN :346-06	Phễu rót cát, cân kỹ thuật, 30kg/1g, bếp ga hoặc dùng cồn	- Hoàng Đậu Nhật Hòa/Chứng nhận - Trần Anh Tú/Chứng nhận
103	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước 3m, nệm đo khe hở, cọ quét	- Phạm Quyết Lập/Chứng nhận - Hà Tiến Lương/ Chứng nhận
104	Xác định modul đàn hồi "E" nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Tấm ép, kích thủy lực 0÷200kN, đồng hồ so 30mm	
105	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của kết cấu áo đường bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011 AASHTO T256	Tấm ép, kích thủy lực 0÷200kN, đồng hồ so 30mm	
106	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011	Vật liệu cát tiêu chuẩn, Ống đong cát, Bàn xoa, Một thước dài 500 mm khắc vạch đến 1 mm	

Công ty TNHH một thành viên thương mại và thiết bị Anh Khoa chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO QUY ĐỊNH  
PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

(Kèm theo Văn bản số: /SXD-GD&QLCL ngày tháng 3 năm 2026  
của Sở Xây dựng Phú Thọ)

(TÊN TỔ CHỨC)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN DỪNG HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN  
NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

**1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng**

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: .....
- Thông tin về Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.  
Quyết định thành lập trạm thí nghiệm hiện trường (nếu có): .....
- Địa chỉ, số điện thoại liên hệ, địa chỉ hòm thư điện tử: .....
- Tên phòng thí nghiệm: .....
- Địa chỉ phòng thí nghiệm: .....
- Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm hiện trường (nếu có): .....

**2. Thông tin dừng hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.**

Thời gian dừng hoạt động: .....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO QUY ĐỊNH  
PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)